TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 59/2026/QĐST- HNGĐ

Ninh Bình, ngày 04 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 103/2026/TLST- HNGĐ ngày 13/4/2026 về Xin ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị V, sinh ngày 05/10/1982
Căn cước công dân số 0401820116xx cấp ngày 13/07/2022
Nơi cư trú: Thôn 1, phường T, tỉnh Nghệ An.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh ngày 02/01/1973
Căn cước công dân số 0370730031xx cấp ngày 16/082021
Nơi cư trú: thôn 35, xã K, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị TRương Thị V và anh Nguyễn Đức T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị V và anh Nguyễn Đức T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể cải thiện được nên thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Trương Thị V và Anh Nguyễn Đức T đều xác định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị V và anh Nguyễn Đức T không đề nghị Tòa giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Trương Thị V và anh Nguyễn Đức T đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí DSST: Chị Trương Thị V và anh Nguyễn Đức T thống nhất thỏa thuận chị V nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là là 150.000 đồng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số BLTU/26E số 0001444 ngày 10/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị V được hoàn trả lại 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình (1).*
- *VKSND khu vực 4- Ninh Bình (3).*
- *THADS tỉnh Ninh Bình. (1).*
- *UBND xã K.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy